

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2020/DS – ST**

Ngày: 21/5/2020

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Mai Văn Thắng.
2. Ông Phạm Văn Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản + góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2020; Thông báo việc dời lịch xét xử số: 313/TB-TA, ngày 01 tháng 4 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số: 324/TB-TA, ngày 17 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: số nhà 77/1, ấp H, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị Bích M, sinh năm: 1982 (có mặt).

Anh Huỳnh Văn B, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà 49/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và trong quá trình tố tụng tại Tòa án – nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 07/5/2017 dương lịch, chị có cho chị Mai Thị Bích M mượn số tiền 180.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ và có chữ ký của chị M. Chị M có hứa hàng tháng sẽ trả dần số tiền cho chị nhưng chị M cứ hẹn hết lần này đến lần khác, đến nay vẫn không trả tiền cho chị.

Đến ngày 22/6/2019 âm lịch nhằm ngày 24/7/2019 dương lịch giữa chị và chị M có tổng cộng lại số tiền hui mà chị M còn nợ chị với số tiền 75.000.000 đồng, chị M cũng hứa hàng tháng trả dần số tiền nợ cho chị nhưng rồi vẫn không thực hiện. Tổng số tiền chị M nợ chị là 255.000.000 đồng. Do chị M nợ tiền không trả nên chị khởi kiện chị M ra Tòa, chị yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay 180.000.000 đồng với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 08/6/2017 đến ngày 26/11/2019 là 29 tháng 16 ngày với số tiền 44.122.000 đồng và tiền lãi của số tiền hui 75.000.000 đồng tính từ ngày 25/8/2019 đến ngày 25/11/2019 là 03 tháng với số tiền 1.867.000 đồng, tổng số tiền lãi là 45.898.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh của tổng số tiền nợ gốc 255.000.000 đồng từ ngày 27/11/2019 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Sau đó, qua hòa giải tại Tòa chị M cho rằng toàn bộ số tiền chị M nợ 255.000.000 đồng là tiền hui chứ không phải tiền vay thì chị thống nhất toàn bộ số tiền nợ 255.000.000 đồng là tiền hui vì thời gian cho vay và chơi hui đã lâu, các dây hui đều đã măng lâu rồi nên chị không nhớ rõ thời gian chơi hui, số tiền từng dây hui cụ thể, chỉ nhớ tổng số tiền nợ. Chị M xin chị bỏ số tiền lãi, chị cũng đồng ý bỏ tiền lãi cho chị M. Số tiền nợ 255.000.000 đồng này chị M sử dụng vào việc nuôi heo và nuôi tôm càng xanh, phục vụ kinh tế chung cho gia đình.

Nên tại Tòa hôm nay, chị yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 255.000.000 đồng, chị yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trong quá trình tố tụng tại tòa – bị đơn chị Mai Thị Bích M trình bày:

Chị thừa nhận vào khoảng năm 2014, chị có tham gia chơi hui do chị Lê Thị L làm chủ hui. Do thời gian chơi hui diễn ra đã lâu nên chị không nhớ cụ thể từng dây hui, ngày khai hui và ngày măng hui, số lượng hui viên và giá trị từng dây hui cũng như việc chị hót hui vào ngày nào, nhưng chị xác định các dây hui đều đã măng hết. Sau khi chị hót hui vào ngày 07/5/2017 chị và chị L có gặp nhau và có lập một biên nhận nợ tiền hui trong đó chị nợ chị L số tiền 180.000.000 đồng, đến ngày 22/6/2019 âm lịch chị và chị L tiếp tục gặp nhau và có lập một biên nhận nợ tiền hui trong đó chị nợ chị L số tiền 75.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hui chị nợ chị L là 255.000.000 đồng nhưng chưa trả được, toàn bộ số tiền 255.000.000 đồng này là tiền hui chứ không phải tiền vay. Chị tham gia chơi hui là để xoay sở kinh tế, lo cho cuộc sống chung cho gia đình, anh B cũng có khuyên chị cố gắng trả nợ cho chị L.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị và anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 255.000.000 đồng thì chị đồng ý cùng anh B trả số tiền còn nợ 255.000.000 đồng này cho chị L, nhưng do vợ chồng chị đang gặp khó khăn nên nếu chị L bớt cho chị 100.000.000 đồng chỉ lấy 155.000.000 đồng thì chị sẽ trả số tiền 155.000.000 đồng trong vòng 1,5 năm. Còn nếu chị L cương quyết yêu cầu trả số tiền 255.000.000 đồng thì chị xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn B luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Mai Thị Bích M có tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký tên vào biên bản, còn bị đơn Huỳnh Văn B không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc buộc chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị L về việc yêu cầu bị đơn Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B trả tiền hui. Bị đơn Mai Thị Bích M và Huỳnh Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 49/1, ấp Đ, xã An N, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng góp hui và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Huỳnh Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh B vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng góp hui được xác lập giữa nguyên đơn Lê Thị L với bị đơn Mai Thị Bích M được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa, chị Lê Thị L chỉ yêu cầu chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền hui 255.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị M thừa nhận hiện nay còn nợ chị L số tiền hui 255.000.000 đồng, chị M đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng anh B trả số tiền hui 255.000.000 đồng này cho chị L. Do đó, việc chị L yêu cầu chị M và anh B trả cho chị L số tiền 255.000.000 đồng này là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại tòa, chị L thống nhất chỉ yêu cầu chị M và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 255.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi 45.989.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh từ ngày 27/11/2019 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét, giải quyết đối với số tiền lãi này.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Chị L yêu cầu chị M và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 255.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh B kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2005, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Tại thời điểm xác lập và thực hiện hợp đồng góp hui, giữa chị M và anh B vẫn sống chung với nhau và số tiền hui này chị M có sử dụng vào mục đích kinh tế chung cho gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Lễ đó, có căn cứ buộc chị M và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 255.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu trả dần nợ của chị M: Chị M cho rằng do cuộc sống gia đình đang gặp khó khăn, nên xin trả số tiền còn nợ chị L với hai cách là nếu chị L bớt cho chị 100.000.000 đồng chỉ lấy 155.000.000 đồng thì chị sẽ trả số tiền 155.000.000 đồng trong vòng 1,5 năm. Còn nếu chị L cương quyết yêu cầu trả số tiền 255.000.000 đồng thì chị xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, cách thức và yêu cầu xin trả nợ này của chị M không được chị L đồng ý. Do chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị L trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của chị M không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền: 255.000.000 đồng x 5% = 12.750.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng các Điều 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Bích M và anh Huỳnh Văn B phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền: 12.750.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.524.725 đồng (Bảy triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) cho chị Lê Thị L theo biên lai thu số: 0006251 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên